

CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT KANHOME VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT KANHOME VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KANHOME VIET NAM INTERIOR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KANHOME VIET NAM.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108937574

3. Ngày thành lập: 10/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25, Ngõ 335 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây lấy sợi	0116
6.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
7.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
8.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm - Trồng cây hàng năm khác còn lại	0119
9.	Trồng cây ăn quả	0121
10.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
11.	Trồng cây điều	0123
12.	Trồng cây hồ tiêu	0124
13.	Trồng cây cao su	0125
14.	Trồng cây cà phê	0126
15.	Trồng cây chè	0127
16.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
17.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: - Trồng cây cảnh lâu năm - Trồng cây lâu năm khác còn lại	0129

18.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
19.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
20.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
21.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
22.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
23.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
24.	Chăn nuôi gia cầm	0146
25.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ - Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.	0149
26.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
28.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
31.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
32.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
33.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
34.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
36.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
37.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
38.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
39.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
40.	Sản xuất đường	1072
41.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
42.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
43.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
44.	Sản xuất chè	1076
45.	Sản xuất cà phê	1077

46.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;	1079
47.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
48.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
49.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
50.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
51.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ - Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện	1629
52.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
53.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
54.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đầu (Trừ Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
55.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
56.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
57.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100

58.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
59.	Xây dựng nhà để ở	4101
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
62.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
63.	Xây dựng công trình thủy	4291
64.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
65.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
66.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (Ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
67.	Phá dỡ	4311
68.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
69.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
70.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
71.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
72.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
73.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại trừ động vật nhà nước cấm)	4620
74.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
75.	Bán buôn thực phẩm	4632

76.	Bán buôn đồ uống	4633
77.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
78.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
79.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
80.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
81.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
82.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
83.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng và các kim loại Nhà nước cấm)	4662
84.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, véc ni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
85.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669

86.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: - Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào. (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
87.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
88.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi), bán nhiều loại hàng hóa: Quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, lương thực, thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác	4719
89.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
90.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
91.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
92.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
93.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
94.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
95.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
96.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
97.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
98.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781

99.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
100.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Dịch vụ logistics - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; (Không bao gồm Dịch vụ Chuyển phát, Dịch vụ vận tải hàng không và vận tải Biển)	5229
102.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Trừ suất ăn ngành hàng không)	5621
103.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
104.	Lập trình máy vi tính	6201
105.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

106.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin. - Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin. - Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật. - Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử. - Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin. - Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu. - Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin. - Dịch vụ phần cứng: + Tư vấn, trợ giúp khách hàng lắp đặt sản phẩm phần cứng; + Phân phối, lưu thông các sản phẩm phần cứng; + Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành sản phẩm phần cứng; - Dịch vụ phần mềm: + Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin; + Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm; + Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; + Dịch vụ chuyên giao công nghệ phần mềm; + Dịch vụ tích hợp hệ thống; + Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; + Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm; - Dịch vụ nội dung thông tin số: + Dịch vụ phân phối, phát hành sản phẩm nội dung thông tin số; + Dịch vụ nhập, cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ và xử lý dữ liệu số; + Dịch vụ quản trị, duy trì, bảo dưỡng, bảo hành các sản phẩm nội dung thông tin số; + Dịch vụ chỉnh sửa, bổ sung tính năng, bản địa hóa các sản phẩm nội dung thông tin số;	6209
------	---	------

107.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Hoạt động đo đạc và bản đồ - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Khảo sát xây dựng: - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất công trình - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: +Thiết kế kiến trúc công trình; +Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát thi công xây dựng công trình. - Giám sát công tác xây dựng: - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; - Đo bóc khối lượng; - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; - Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; - Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; - Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. - Lập quy hoạch xây dựng - Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Lập quy hoạch tu bổ di tích - Lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích - Tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích	7110
------	--	------

108.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất. - Dịch vụ thiết kế đồ thị;	7410
109.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền)	7490
110.	Cho thuê xe có động cơ	7710
111.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299(Chính)
113.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
114.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524

6. Vốn điều lệ: 8.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI QUANG THỨ	Số 1, Ngõ 73 Đường Quang Tiến, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	409.400	4.094.000.000	46,000	034079008157	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	409.400	4.094.000.000	46,000		
2	BÙI MINH THẦN	Số 56, Đường Sở Thượng, Tổ 22, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	195.800	1.958.000.000	22,000	034084000089	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	195.800	1.958.000.000	22,000		

3	VŨ THỊ HỒNG NHUNG	608 Tòa 24T2 Hapulico, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	284.800	2.848.000.000	32,000	0341910030 66	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	284.800	2.848.000.000	32,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI QUANG THỨ

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20/01/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034079008157

Ngày cấp: 03/06/2019

Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1, Ngõ 73 Đường Quang Tiến, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 1, Ngõ 73 Đường Quang Tiến, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội